CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP

Ngày 30/06/2025	36,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.9%	**0.3%**	**11.6%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	27,206 - 36,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	708
Số lượng CPLH (CP)	19,511,389
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.53
EPS	4,147
P/E	8.8

DT thuần
Q2/25
227
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 39.0| 21.0%
YoY: ▲ 82.0| 56.9%

LN thuần
Q2/25
29.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.50| 46.5%
YoY: ▲ 15.6| 109%

LN sau thuế
Q2/25
24.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.10| 48.4%
YoY: ▲ 11.9| 92.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
13.1%
YoY: +/-▲ 2.2%

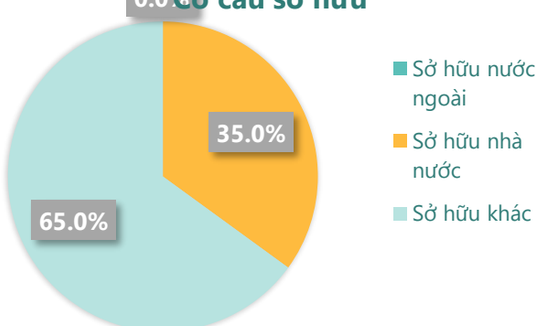
ROE (TTM)
Q2/25
29.0%
YoY: +/-▲ 5.0%

DT thuần
6T 2025
415
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 103| 33.3%

LN thuần
6T 2025
50.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.5| 81.2%

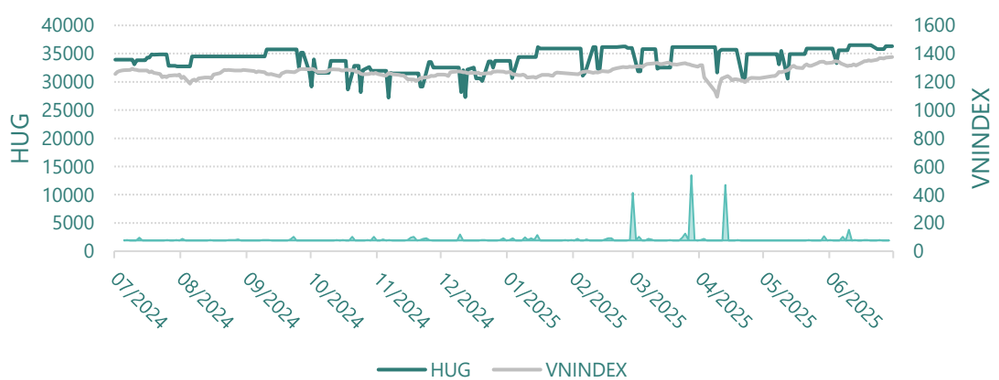
LN sau thuế
6T 2025
41.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.7| 74.6%

Cơ cấu sở hữu

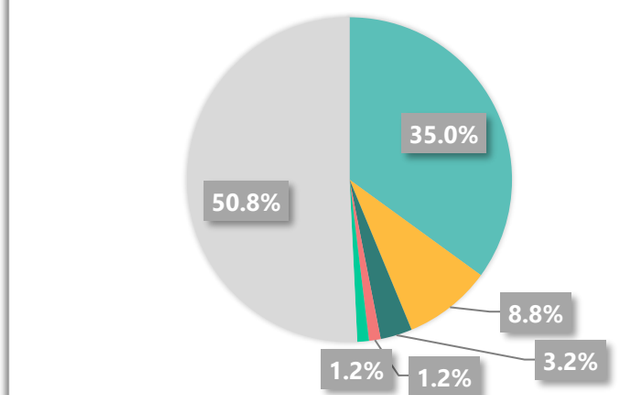


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



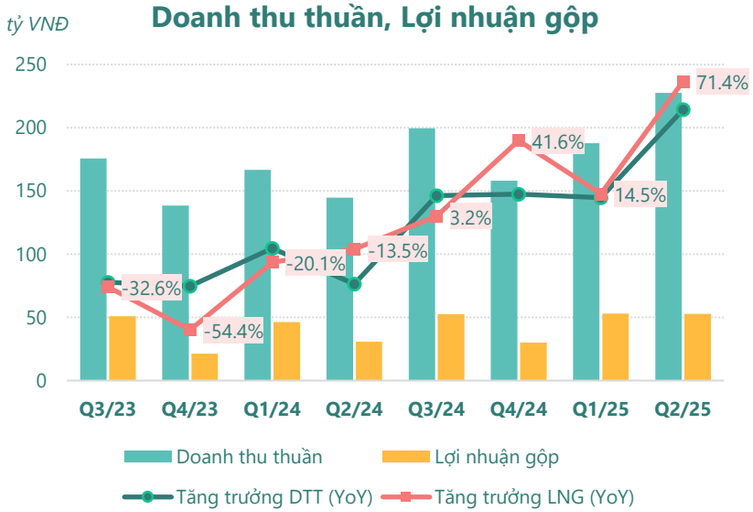
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

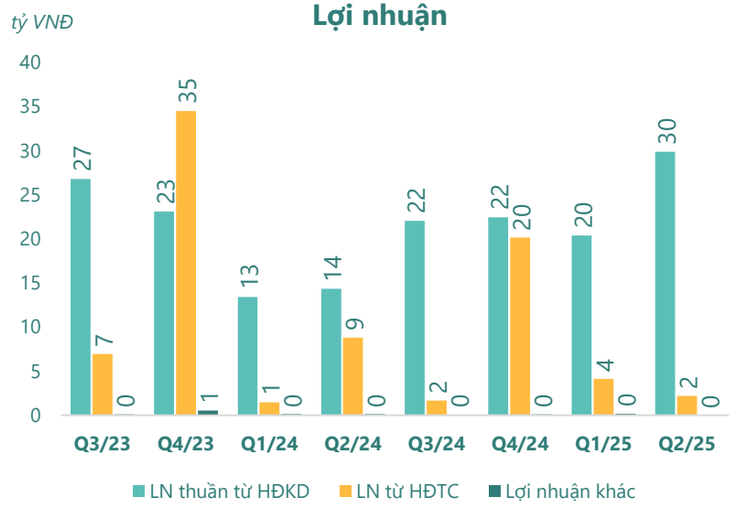
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



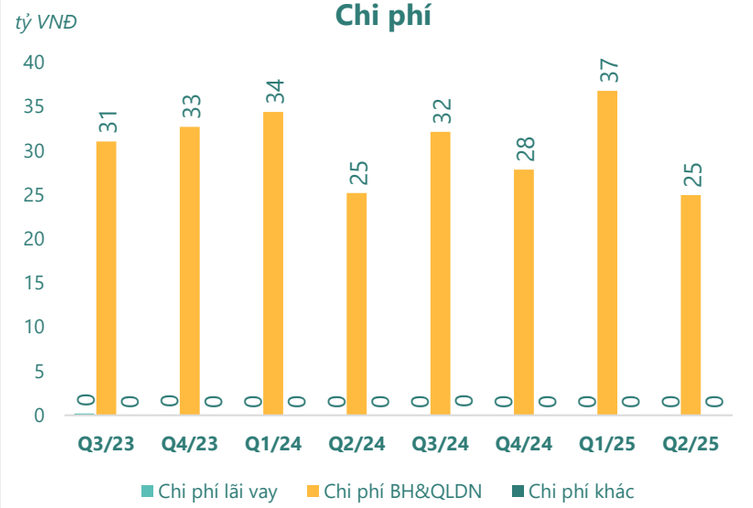
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



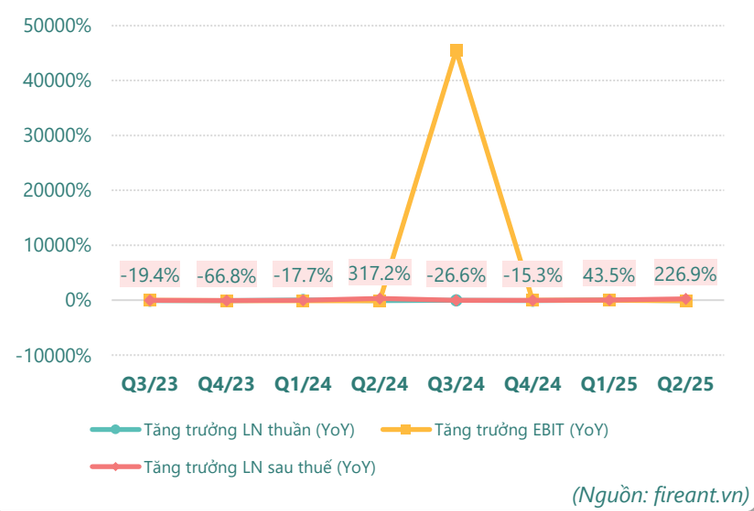
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



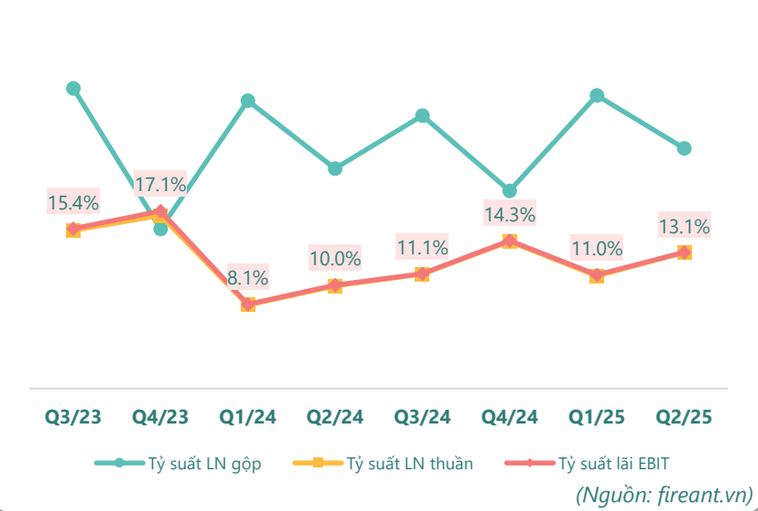
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



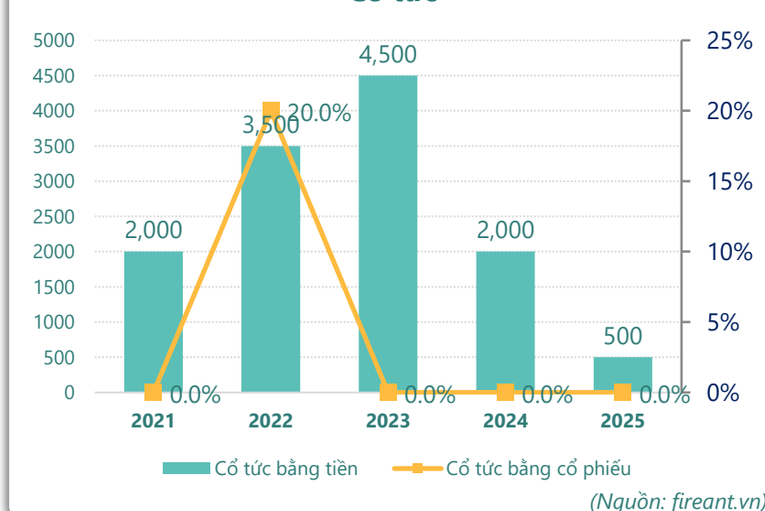
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

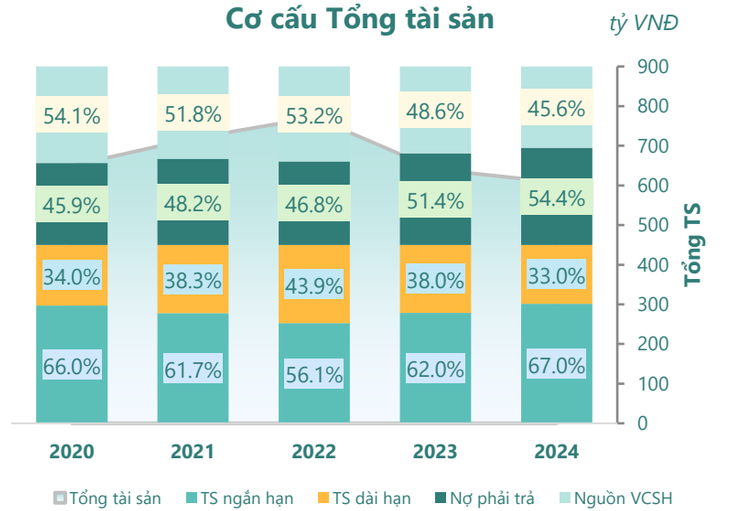
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

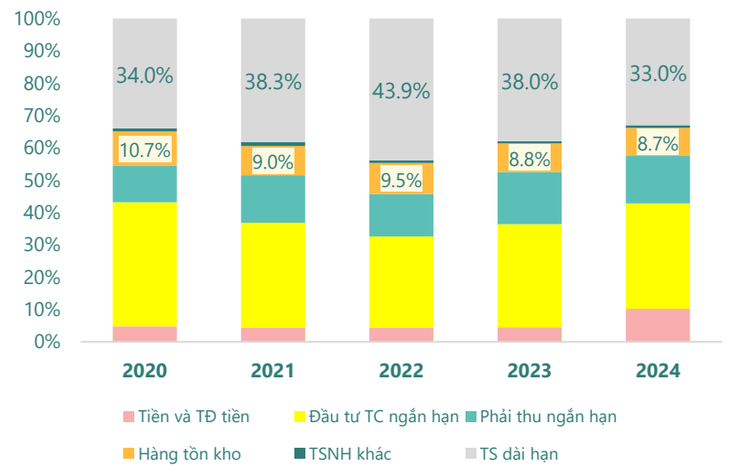
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



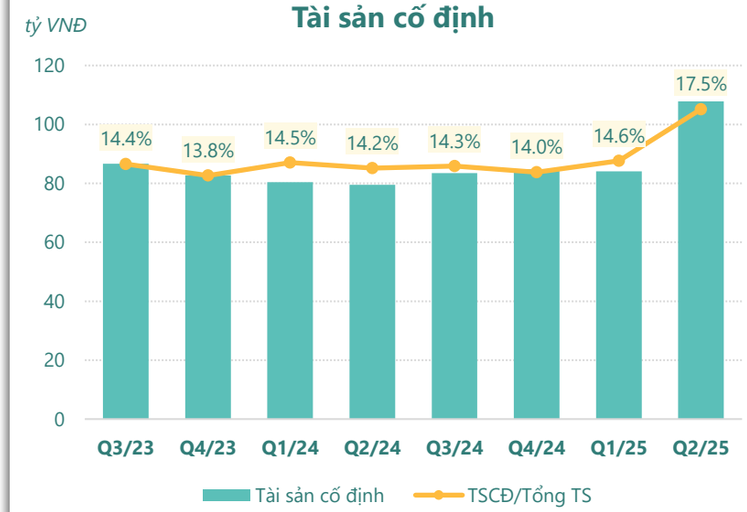
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



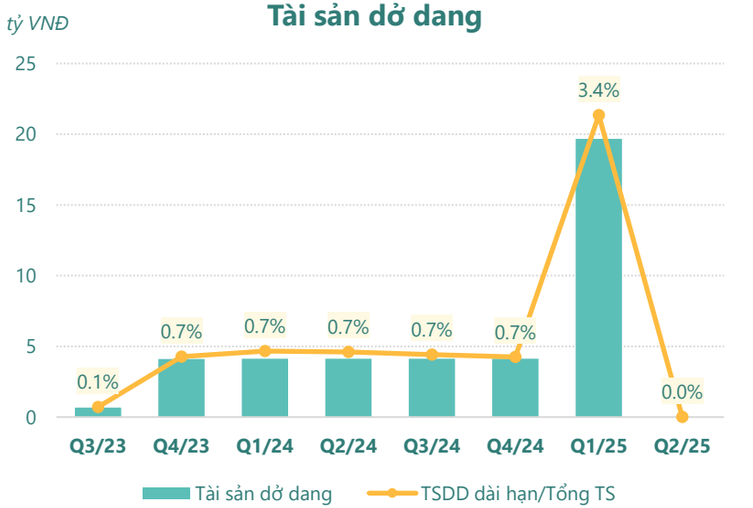
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



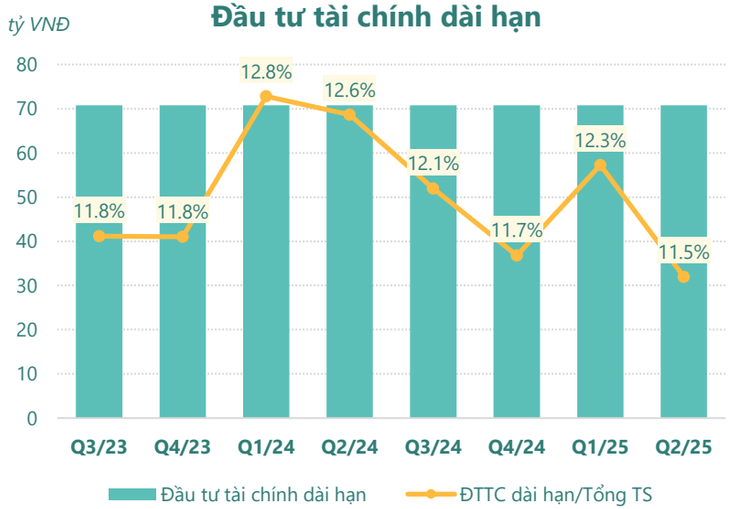
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



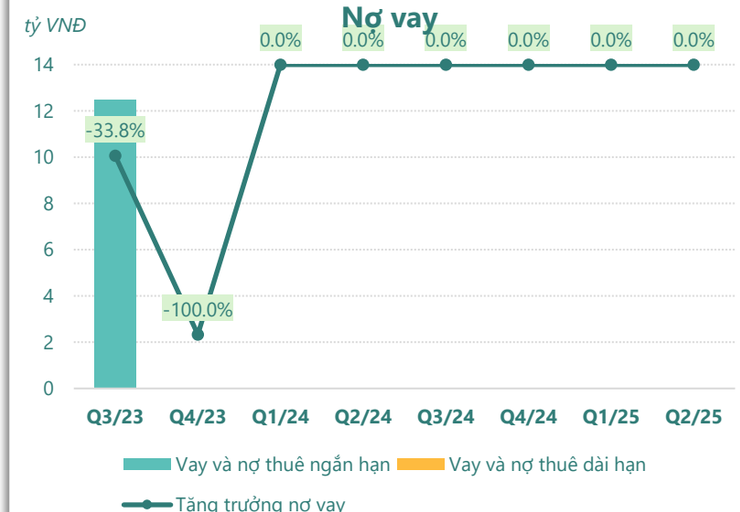
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

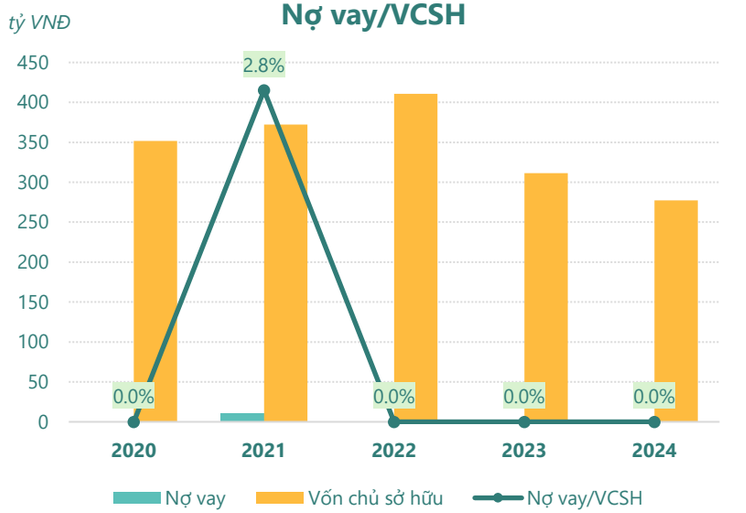
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

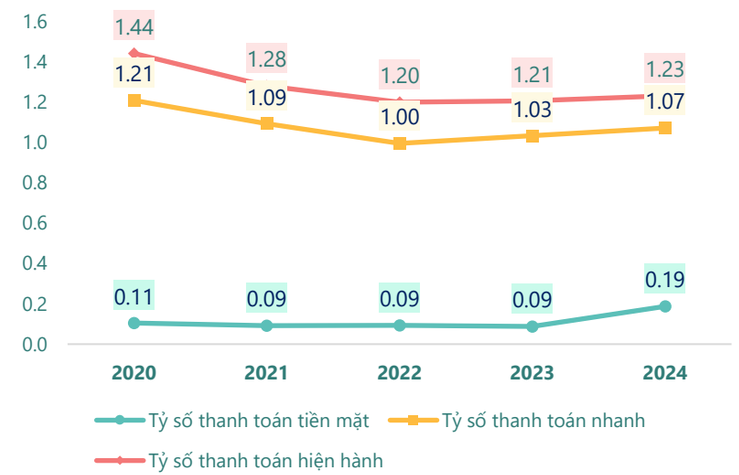
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



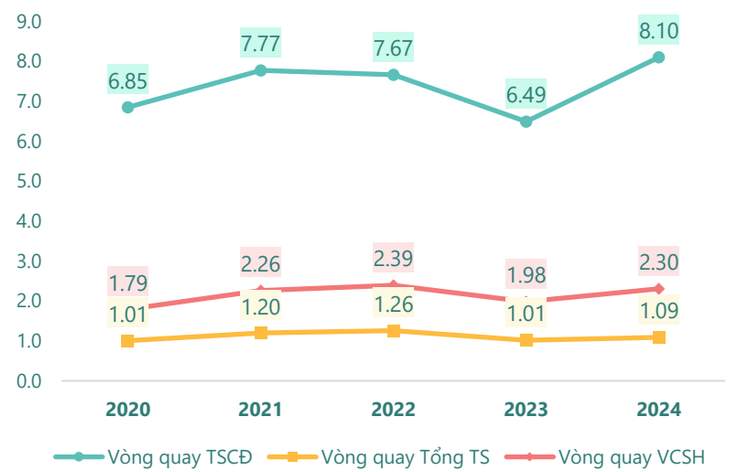
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



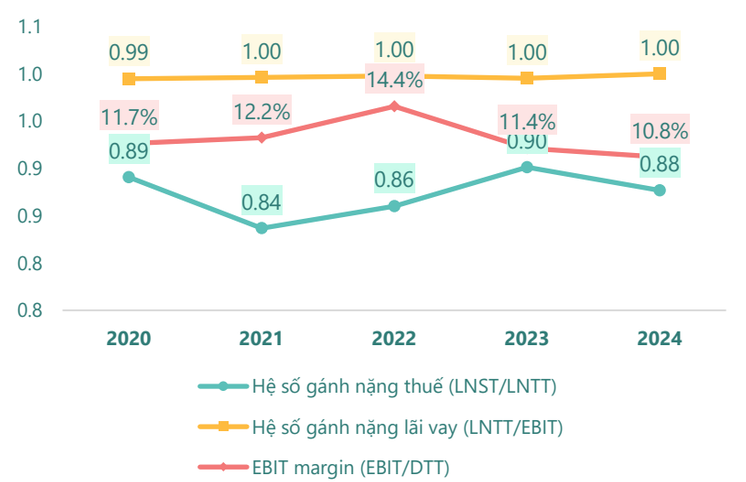
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



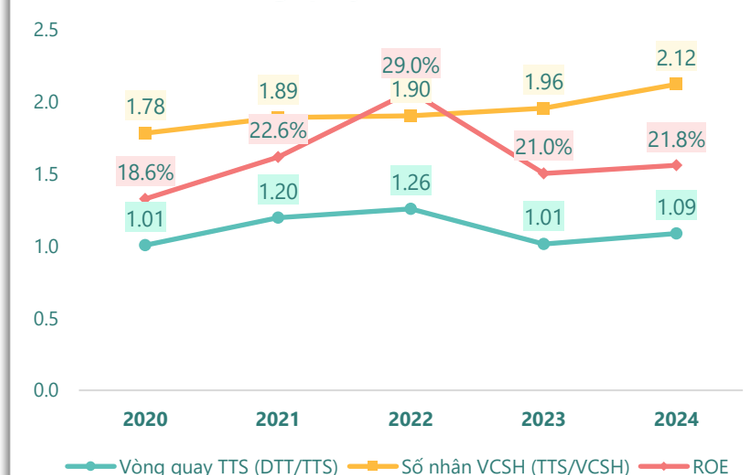
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



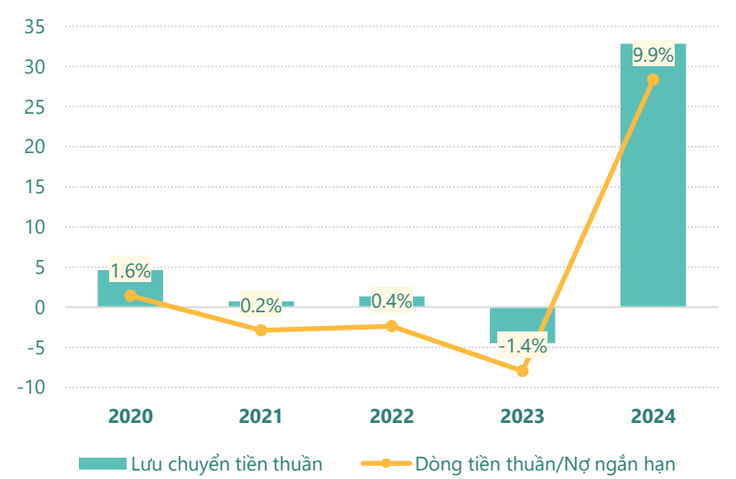
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**227**	**145**	**56.9%**	**415**	**312**	**33.3%**
Giá vốn hàng bán	175	114	53.3%	309	234	32.0%
Lợi nhuận gộp	52.7	30.7	71.5%	106	77.0	37.2%
Doanh thu HĐTC	2.32	8.89	-73.9%	6.45	10.4	-37.8%
Chi phí TC	0.11	0.08	43.3%	0.13	0.08	57.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.2	16.3	-12.7%	33.9	34.0	-0.1%
Chi phí QLDN	**10.8**	**8.93**	**20.4%**	**27.8**	**25.6**	**8.6%**
LN thuần từ HĐKD	29.9	14.3	109%	50.3	27.8	81.2%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.13**	**-92.9%**	**0.19**	**0.26**	**-28.7%**
LN trước thuế	29.9	14.5	106%	50.5	28.0	80.2%
Lợi nhuận sau thuế	**24.8**	**12.9**	**92.1%**	**41.5**	**23.8**	**74.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**24.8**	**12.9**	**92.1%**	**41.5**	**23.8**	**74.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-17.8	24.5	28.8	9.63	-55.2	35.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	39.3	12.3	7.06	-31.9	43.6	-4.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.0	-16.3	-12.0	8.39	-6.02	-13.5
Tiền đầu kỳ	28.9	31.3	51.8	75.7	61.9	44.2
Lưu chuyển tiền thuần	**2.44**	**20.5**	**23.9**	**-13.9**	**-17.7**	**18.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.16	0	0
Tiền cuối kỳ	31.3	51.8	75.7	62.0	44.2	62.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**615**	**608**	**1.2%**
Tài sản ngắn hạn	428	407	5.2%
Tiền và tương đương tiền	62.2	61.9	0.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	176	198	-11.4%
Phải thu ngắn hạn	118	89.5	31.8%
Hàng tồn kho	59.9	52.8	13.6%
Tài sản ngắn hạn khác	12.6	4.58	175%
Tài sản dài hạn	**187**	**201**	**-7.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	108	84.8	27.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	4.13	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	70.8	104	-31.7%
Tài sản dài hạn khác	**8.30**	**8.34**	**-0.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	323	331	-2.4%
Nợ ngắn hạn	**323**	**331**	**-2.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	35.7	32.5	9.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**293**	**277**	**5.5%**
Vốn chủ sở hữu	**293**	**277**	**5.5%**
Vốn điều lệ	195	195	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)